

Số: 218 /BC-UBND

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 7 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tiếp thu, giải trình một số nội dung trong dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2025

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Báo cáo thẩm tra số 91/BC-BVHXH ngày 04/7/2024 về thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2025 (Báo cáo số 91/BC-BVHXH); xét báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Báo cáo số 178/BC-SLĐTBXH ngày 08/7/2023; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

**1. Tên dự thảo nghị quyết:** Ý kiến tại Báo cáo số 91/BC-BVHXH: Đề nghị rà soát thống nhất tên ghi tại tờ trình với tên dự thảo nghị quyết; hiện nay, nhiều địa phương trên cả nước đã ban hành Nghị quyết về nội dung hỗ trợ tiền đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất phương án tên dự thảo nghị quyết cụ thể là: “*Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thêm tiền đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2025*”.

#### 2. Căn cứ pháp lý:

a) Ý kiến tại Báo cáo số 91/BC-BVHXH: Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý của nghị quyết, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Tiếp thu và bổ sung thêm căn cứ pháp lý theo đề nghị tại Báo cáo số 91/BC-BVHXH.

#### 3. Nội dung Điều 1 về phạm vi điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết

a) Ý kiến tại Báo cáo số 91/BC-BVHXH: Cần rà soát thống nhất với phương án tên dự thảo nghị quyết sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Nội dung dự thảo Nghị quyết:

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2024 - 2025.

c) Tiếp thu và điều chỉnh lại

Nghị quyết này quy định quy định mức hỗ trợ thêm tiền đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2025.

#### 4. Tại khoản 1 Điều 2 về đối tượng áp dụng

a) Ý kiến tại Báo cáo số 91/BC-BVHXH: Thống nhất bỏ các mục a, b, c, d, đ; ngoài ra, tại khoản 2 Điều 2, thống nhất điều chỉnh nội dung thành “*Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan*”.

b) Nội dung dự thảo Nghị quyết:

*“1. Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội, được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại Điều 20 Luật cư trú năm 2020, tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tại Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:*

*a) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng.*

*b) Người lao động giúp việc gia đình.*

*c) Người nông dân, người lao động tự tạo việc làm bao gồm những người tự tổ chức hoạt động lao động để có thu nhập cho bản thân và gia đình.*

*d) Người lao động đã đủ điều kiện về tuổi đời nhưng chưa đủ điều kiện về thời gian đóng để hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.*

*đ) Người tham gia khác.*

*2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm xã hội tự nguyện.”*

c) Tiếp thu và điều chỉnh lại

*“1. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội.*

*2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.”*

#### 5. Về mức hỗ trợ phương án triển khai thực hiện đối với các nội dung quy định về phương án hỗ trợ được nêu tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết

a) Ý kiến tại Báo cáo số 91/BC-BVHXH: Sửa đổi tên Điều 3 thành “Mức hỗ trợ”. Và như vậy thống nhất bỏ nội dung các khoản 2, 3, 4 của Điều 3 như dự thảo nghị quyết.

Phần nội dung quy định mức hỗ trợ, thống nhất bỏ phần nội dung ghi “*quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*”, thay vào đó ghi “*trên cơ sở chuẩn nghèo theo đúng quy định hiện hành*” để đảm bảo tính ổn định của nghị quyết.

b) Nội dung dự thảo Nghị quyết:

*“Điều 3. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện*

### 1. Mức hỗ trợ

Ngoài mức hỗ trợ đóng tiền bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định tại Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tăng thêm tính theo tỷ lệ % trên mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

- a) Hỗ trợ mức đóng tăng thêm 30% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ nghèo.
- b) Hỗ trợ mức đóng tăng thêm 25% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ cận nghèo.
- c) Hỗ trợ mức đóng tăng thêm 10% đối với các đối tượng khác.

### 2. Phương thức hỗ trợ

a) Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc đối tượng được hỗ trợ nộp số tiền đóng bảo hiểm xã hội phân thuộc trách nhiệm đóng của mình cho cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã hội tại các điểm thu hoặc nộp trực tuyến thông qua cổng dịch vụ công quốc gia, dịch vụ công ngành bảo hiểm xã hội hoặc các ứng dụng không dùng tiền mặt khác.

b) Định kỳ 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng, cơ quan bảo hiểm xã hội tổng hợp số đối tượng được hỗ trợ, số tiền thu của đối tượng và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành, gửi cơ quan Tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm xã hội.

c) Cơ quan Tài chính căn cứ quy định về phân cấp quản lý ngân sách của địa phương và bảng tổng hợp đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ do cơ quan bảo hiểm xã hội chuyển đến, có trách nhiệm kiểm tra, chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm xã hội mỗi quý một lần; chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hằng năm phải thực hiện xong việc chuyển kinh phí hỗ trợ vào quỹ bảo hiểm xã hội của năm đó.

### 3. Các trường hợp hoàn trả lại số tiền đã hỗ trợ

a) Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của đối tượng được Nhà nước hỗ trợ thực hiện theo quy định không bao gồm số tiền Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, trừ trường hợp người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm

HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế.

b) Trường hợp người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đã đóng theo phương thức đóng 03 tháng hoặc 06 tháng hoặc 12 tháng một lần hoặc đóng một lần cho nhiều năm về sau theo quy định mà trong thời gian đó thuộc một trong các trường hợp (i) Dừng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và chuyển sang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; (ii) Hưởng bảo hiểm xã hội một lần; hoặc (iii) Bị chết hoặc Tòa án tuyên bố là đã chết thì sẽ được hoàn trả một phần số tiền đã đóng trước đó. Số tiền hoàn trả không bao gồm tiền hỗ trợ đóng của Nhà nước (nếu có).

#### 4. Thời gian hỗ trợ

Hỗ trợ theo thời gian thực tế tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của từng đối tượng từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến ngày 31/12/2025.

#### c) Tiếp thu và điều chỉnh lại

“Điều 3. Mức hỗ trợ

Ngoài mức hỗ trợ đóng tiền bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định tại Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 4 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tăng thêm tính theo tỷ lệ % trên mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn trên cơ sở chuẩn nghèo theo đúng quy định hiện hành, cụ thể:

a) Bằng 30% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ nghèo.

b) Bằng 25% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ cận nghèo.

c) Bằng 10% đối với các đối tượng khác.”

#### 6. Điều 5 về tổ chức thực hiện.

a) Ý kiến tại Báo cáo số 91/BC-BVHXH: Nội dung thời gian hiệu lực của nghị quyết thống nhất ghi rõ “...và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua; nghị quyết hết hiệu lực áp dụng sau ngày 31/12/2025”; bỏ nội dung “Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới khi có hiệu lực.”.

b) Nội dung dự thảo nghị quyết

“...và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung

hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới khi có hiệu lực.”.

c) Tiếp thu và điều chỉnh lại

...và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua; nghị quyết hết hiệu lực áp dụng sau ngày 31/12/2025.

**7. Về nội dung hiệu lực thi hành của nghị quyết:** Để đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là được hỗ trợ thêm kinh phí tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện từ ngân sách địa phương và nhằm tăng nhanh tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và đảm bảo hoàn thành mục tiêu tại Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 14/10/2020, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, phấn đấu tăng nhanh số lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, tăng nhanh số lao động sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất kiến nghị của Ban Văn hóa - xã hội kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất bổ sung quy định trong dự thảo nghị quyết nội dung “sau ngày 31/12/2025, tùy vào tình hình thực tế, nếu thấy cần thiết Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh nội dung nghị quyết cho phù hợp”

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo./.

(Đính kèm:

- Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2024-2025 (đã chỉnh sửa theo các nội dung góp ý, tiếp thu nêu trên).)

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Văn hóa-Xã hội-HĐND;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở LĐ-TBXH;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNG, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Thiệu**



Số: /2024/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ thêm tiền đóng cho người tham gia  
bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa  
giai đoạn 2024 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA ....., KỲ HỌP LẦN THỨ .....**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày.....tháng.....năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2025; Báo cáo thẩm tra số 91/BC-BXHXH ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thêm tiền đóng cho người tham gia

bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024 - 2025.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 3. Mức hỗ trợ**

Ngoài mức hỗ trợ đóng tiền bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định tại Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tăng thêm tính theo tỷ lệ % trên mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn trên cơ sở chuẩn nghèo theo đúng quy định hiện hành, cụ thể:

a) Bằng 30% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ nghèo.

b) Bằng 25% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ cận nghèo.

c) Bằng 10% đối với các đối tượng khác..

## **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách về hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2025 do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa ....., kỳ họp thứ .... thông qua ngày .... tháng .... năm ..... và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua; nghị quyết hết hiệu lực áp dụng sau ngày 31/12/2025. Sau

ngày 31/12/2025, tùy vào tình hình thực tế, nếu thấy cần thiết Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh nội dung nghị quyết cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ LĐTĐBXH;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP. HĐND, VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

